

## DANH MỤC CHỨNG KHOÁN KÝ QUỸ TẠI ASEAN SECURITIES

(Cập nhật ngày 07/10/2025)

| TT | MÃ CP | TÊN CÔNG TY                                                  | SÀN  | Tỷ lệ cho vay (%) | Giá chặn (Đồng/cp) |
|----|-------|--------------------------------------------------------------|------|-------------------|--------------------|
| 1  | AAA   | Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh                            | HOSE | 20                | 7,210              |
| 2  | ABT   | Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Bến Tre              | HOSE | 10                | 46,593             |
| 3  | ACB   | Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu                          | HOSE | 50                | 26,000             |
| 4  | ACC   | Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bình Dương ACC            | HOSE | 10                | 12,811             |
| 5  | ACG   | Công ty Cổ phần Gỗ An Cường                                  | HOSE | 50                | 38,000             |
| 6  | ADP   | Công ty Cổ phần Sơn Á Đông                                   | HOSE | 10                | 12,778             |
| 7  | ADS   | Công ty Cổ phần DAMSAN                                       | HOSE | 10                | 7,940              |
| 8  | AGG   | Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Bất động sản An Gia     | HOSE | 10                | 16,600             |
| 9  | AGR   | Công ty Cổ phần Chứng khoán AGRIBANK                         | HOSE | 30                | 17,000             |
| 10 | ANV   | Công ty Cổ phần Nam Việt                                     | HOSE | 20                | 11,000             |
| 11 | ASM   | Công ty Cổ phần Tập đoàn Sao Mai                             | HOSE | 30                | 10,000             |
| 12 | AST   | Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco                    | HOSE | 20                | 15,376             |
| 13 | BAB   | Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bắc Á                           | HNX  | 20                | 12,000             |
| 14 | BAF   | Công ty cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam                     | HOSE | 20                | 33,750             |
| 15 | BBC   | Công ty Cổ phần Bibica                                       | HOSE | 20                | 57,500             |
| 16 | BCF   | Công ty Cổ phần Thực phẩm Bích Chi                           | HNX  | 10                | 12,487             |
| 17 | BCM   | Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp - CTCP         | HOSE | 50                | 73,000             |
| 18 | BFC   | Công ty Cổ phần Phân bón Bình Điền                           | HOSE | 40                | 46,550             |
| 19 | BHN   | Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước giải khát Hà Nội      | HOSE | 40                | 21,403             |
| 20 | BIC   | Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng Đầu tư và Phát triển | HOSE | 50                | 30,000             |
| 21 | BID   | Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam   | HOSE | 50                | 42,000             |
| 22 | BKC   | Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn                           | HNX  | 20                | 20,183             |
| 23 | BMC   | Công ty Cổ phần Khoáng sản Bình Định                         | HOSE | 10                | 19,000             |
| 24 | BMI   | Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh                                | HOSE | 50                | 21,000             |
| 25 | BMP   | Công ty Cổ phần Nhựa Bình Minh                               | HOSE | 50                | 145,300            |
| 26 | BRC   | Công ty Cổ phần Cao su Bến Thành                             | HOSE | 10                | 14,250             |
| 27 | BSI   | Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV                             | HOSE | 40                | 46,700             |
| 28 | BSR   | CTCP Lọc hóa Dầu Bình Sơn                                    | HOSE | 20                | 24,000             |
| 29 | BTP   | Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa                            | HOSE | 10                | 11,950             |
| 30 | BTT   | Công ty Cổ phần Thương mại - Dịch vụ Bến Thành               | HOSE | 20                | 29,935             |
| 31 | BTW   | Công ty Cổ phần Cấp nước Bến Thành                           | HNX  | 20                | 29,939             |
| 32 | BVH   | Tập đoàn Bảo Việt                                            | HOSE | 50                | 54,900             |
| 33 | BVS   | Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt                         | HNX  | 50                | 40,000             |
| 34 | BWE   | Công ty CP - Tổng Công ty nước - Môi trường Bình Dương       | HOSE | 50                | 50,000             |
| 35 | C69   | Công ty Cổ phần Xây dựng 1369                                | HNX  | 10                | 6,100              |
| 36 | CAP   | Công ty Cổ phần Lâm Nông sản Thực phẩm Yên Bái               | HNX  | 10                | 12,694             |
| 37 | CCI   | Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghiệp Thương mại Củ  | HOSE | 10                | 14,548             |
| 38 | CCL   | Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đô thị Dầu khí Cửu Long | HOSE | 20                | 6,930              |
| 39 | CCR   | Công ty Cổ phần Cảng Cam Ranh                                | HNX  | 10                | 11,633             |
| 40 | CDC   | Công ty Cổ phần Chương Dương                                 | HOSE | 20                | 15,000             |
| 41 | CDN   | Công ty Cổ phần Cảng Đà Nẵng                                 | HNX  | 40                | 19,339             |
| 42 | CEO   | Công ty Cổ phần Tập đoàn C.E.O                               | HNX  | 20                | 11,781             |

| TT | MÃ CP | TÊN CÔNG TY                                                         | SÀN  | Tỷ lệ cho vay (%) | Giá chặn (Đồng/cp) |
|----|-------|---------------------------------------------------------------------|------|-------------------|--------------------|
| 43 | CHP   | Công ty Cổ phần Thủy điện Miền Trung                                | HOSE | 50                | 25,000             |
| 44 | CIA   | Công ty Cổ Phần Dịch Vụ Sân Bay Quốc Tế Cam Ranh                    | HNX  | 10                | 9,400              |
| 45 | CII   | Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh       | HOSE | 30                | 17,000             |
| 46 | CLH   | Công ty Cổ phần Xi măng La Hiên VVMI                                | HNX  | 20                | 16,875             |
| 47 | CLM   | Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Than - Vinacomin                     | HNX  | 20                | 70,369             |
| 48 | CMG   | Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC                              | HOSE | 40                | 45,000             |
| 49 | CNG   | Công ty Cổ phần CNG Việt Nam                                        | HOSE | 50                | 18,015             |
| 50 | CRC   | Công ty Cổ phần Create Capital Việt Nam                             | HOSE | 10                | 10,000             |
| 51 | CSM   | Công ty Cổ phần Công nghiệp Cao su Miền Nam                         | HOSE | 30                | 14,000             |
| 52 | CSV   | Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản miền Nam                            | HOSE | 40                | 40,000             |
| 53 | CTB   | Công ty Cổ phần Chế tạo Bơm Hải Dương                               | HNX  | 10                | 23,055             |
| 54 | CTD   | Công ty Cổ phần Xây dựng Coteccons                                  | HOSE | 30                | 84,200             |
| 55 | CTF   | Công ty Cổ phần City Auto                                           | HOSE | 10                | 11,795             |
| 56 | CTG   | Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam                   | HOSE | 50                | 47,000             |
| 57 | CTI   | Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Cường Thuận IDICO                 | HOSE | 20                | 25,200             |
| 58 | CTR   | Tổng Công ty Cổ phần Công trình Viettel                             | HOSE | 50                | 101,700            |
| 59 | CTS   | Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam          | HOSE | 40                | 40,700             |
| 60 | CVT   | Công ty Cổ phần CMC                                                 | HOSE | 10                | 27,018             |
| 61 | DAT   | Công ty cổ phần Đầu tư Du lịch và Phát triển Thủy sản               | HOSE | 10                | 7,400              |
| 62 | DBC   | Công ty Cổ phần Tập đoàn Dabaco Việt Nam                            | HOSE | 30                | 39,000             |
| 63 | DBD   | Công ty Cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định                | HOSE | 40                | 54,500             |
| 64 | DBT   | Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre                                   | HOSE | 10                | 12,150             |
| 65 | DC4   | Công ty cổ phần DICERA HOLDINGS                                     | HOSE | 10                | 13,950             |
| 66 | DCL   | Công ty Cổ phần Dược phẩm Cửu Long                                  | HOSE | 20                | 20,925             |
| 67 | DCM   | Công ty Cổ phần Phân bón Dầu Khí Cà Mau                             | HOSE | 50                | 36,000             |
| 68 | DGC   | Công ty Cổ phần Tập đoàn Hóa chất Đức Giang                         | HOSE | 50                | 105,200            |
| 69 | DGW   | Công ty Cổ phần Thế Giới Số                                         | HOSE | 50                | 50,000             |
| 70 | DHA   | Công ty Cổ phần Hóa An                                              | HOSE | 10                | 29,166             |
| 71 | DHC   | Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre                                    | HOSE | 50                | 32,000             |
| 72 | DHG   | Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang                                      | HOSE | 50                | 113,000            |
| 73 | DHP   | Công ty Cổ phần Điện cơ Hải Phòng                                   | HNX  | 10                | 11,000             |
| 74 | DHT   | Công ty Cổ phần Dược phẩm Hà Tây                                    | HNX  | 40                | 50,000             |
| 75 | DIG   | Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Xây dựng                     | HOSE | 30                | 22,000             |
| 76 | DMC   | Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế DOMESCO                         | HOSE | 40                | 47,789             |
| 77 | DNC   | Công ty Cổ phần Điện nước Lắp máy Hải Phòng                         | HNX  | 10                | 16,070             |
| 78 | DP3   | Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Trung Ương 3                              | HNX  | 10                | 25,244             |
| 79 | DPG   | Công ty Cổ phần Tập đoàn Đạt Phương                                 | HOSE | 20                | 44,200             |
| 80 | DPM   | Tổng Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần | HOSE | 50                | 43,000             |
| 81 | DPR   | Công ty Cổ phần Cao su Đồng Phú                                     | HOSE | 50                | 45,000             |
| 82 | DRC   | Công ty Cổ phần Cao su Đà Nẵng                                      | HOSE | 50                | 20,000             |
| 83 | DRL   | Công ty Cổ phần Thủy điện - Điện lực 3                              | HOSE | 20                | 13,171             |
| 84 | DSN   | Công ty Cổ phần Công viên nước Đầm Sen                              | HOSE | 20                | 24,130             |
| 85 | DTD   | Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thành Đạt                         | HNX  | 10                | 16,900             |
| 86 | DTK   | Tổng Công ty Điện lực TKV - Công ty Cổ phần                         | HNX  | 10                | 12,300             |
| 87 | DVM   | Công ty Cổ phần Dược liệu Việt Nam                                  | HNX  | 10                | 6,900              |
| 88 | DVP   | Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ                   | HOSE | 40                | 50,000             |
| 89 | DXG   | Công ty Cổ phần Tập đoàn Đất Xanh                                   | HOSE | 30                | 17,100             |
| 90 | DXP   | Công ty Cổ phần Cảng Đoạn Xá                                        | HNX  | 30                | 9,900              |

| TT  | MÃ CP | TÊN CÔNG TY                                                   | SÀN  | Tỷ lệ cho vay (%) | Giá chặn (Đồng/cp) |
|-----|-------|---------------------------------------------------------------|------|-------------------|--------------------|
| 91  | DXS   | Công ty Cổ phần Dịch vụ Bất động sản Đất Xanh                 | HOSE | 20                | 9,200              |
| 92  | EBS   | Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Thành phố Hà Nội            | HNX  | 10                | 11,200             |
| 93  | EIB   | Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xuất nhập khẩu Việt Nam          | HOSE | 50                | 27,700             |
| 94  | EID   | Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội          | HNX  | 20                | 25,800             |
| 95  | ELC   | Công ty Cổ phần Công nghệ - Viễn thông ELCOM                  | HOSE | 20                | 14,371             |
| 96  | EVF   | Công ty Tài chính Cổ phần Điện Lực                            | HOSE | 20                | 10,800             |
| 97  | EVS   | Công ty Cổ phần Chứng khoán EVS                               | HNX  | 20                | 6,100              |
| 98  | FMC   | Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta                              | HOSE | 50                | 37,802             |
| 99  | FPT   | Công ty Cổ phần FPT                                           | HOSE | 50                | 122,500            |
| 100 | FRT   | Công ty Cổ phần Bán lẻ Kỹ thuật số FPT                        | HOSE | 20                | 17,121             |
| 101 | FTS   | Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT                               | HOSE | 40                | 41,800             |
| 102 | GAS   | Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần                   | HOSE | 50                | 75,000             |
| 103 | GDT   | Công ty Cổ phần Chế biến Gỗ Đức Thành                         | HOSE | 20                | 14,096             |
| 104 | GDW   | Công ty Cổ phần Cấp nước Gia Định                             | HNX  | 20                | 19,892             |
| 105 | GEG   | Công ty Cổ phần Điện Gia Lai                                  | HOSE | 30                | 17,000             |
| 106 | GEX   | Công ty Cổ phần Tập đoàn Gelex                                | HOSE | 30                | 50,000             |
| 107 | GIC   | Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ và Phát triển Xanh             | HNX  | 10                | 15,100             |
| 108 | GMD   | Công ty Cổ phần Gemadept                                      | HOSE | 50                | 60,500             |
| 109 | GMX   | Công ty Cổ phần Gạch Ngói Gốm Xây Dựng Mỹ Xuân                | HNX  | 10                | 13,114             |
| 110 | GSP   | Công ty Cổ phần Vận tải Sản phẩm Khí Quốc tế                  | HOSE | 40                | 12,800             |
| 111 | GTA   | Công ty Cổ phần Chế biến Gỗ Thuận An                          | HOSE | 10                | 9,300              |
| 112 | GVR   | Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam - Công ty Cổ phần        | HOSE | 50                | 35,000             |
| 113 | HAG   | Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai                             | HOSE | 20                | 17,000             |
| 114 | HAH   | Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An                      | HOSE | 50                | 74,300             |
| 115 | HAX   | Công ty Cổ phần Dịch vụ Ô tô Hàng Xanh                        | HOSE | 30                | 17,000             |
| 116 | HCD   | Công ty Cổ phần Đầu tư Sản xuất và Thương mại HCD             | HOSE | 10                | 7,700              |
| 117 | HCM   | Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh             | HOSE | 50                | 27,000             |
| 118 | HDB   | Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát Triển Thành phố Hồ Chí Minh | HOSE | 50                | 28,250             |
| 119 | HDC   | Công ty Cổ phần Phát triển Nhà Bà Rịa Vũng Tàu                | HOSE | 30                | 32,000             |
| 120 | HDG   | Công ty Cổ phần Tập đoàn Hà Đô                                | HOSE | 50                | 29,400             |
| 121 | HGM   | Công ty Cổ phần Cơ khí và Khoáng sản Hà Giang                 | HNX  | 20                | 32,850             |
| 122 | HHC   | Công ty Cổ phần Bánh kẹo Hải Hà                               | HNX  | 20                | 39,599             |
| 123 | HHP   | Công ty Cổ phần HHP Global                                    | HOSE | 20                | 9,200              |
| 124 | HHS   | Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Huy                      | HOSE | 50                | 15,055             |
| 125 | HHV   | Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Giao thông Đèo Cả              | HOSE | 40                | 14,000             |
| 126 | HJS   | Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Mu                              | HNX  | 20                | 15,584             |
| 127 | HLC   | Công ty Cổ phần Than Hà Lâm - Vinacomin                       | HNX  | 20                | 10,800             |
| 128 | HMC   | Công ty Cổ phần Kim khí Thành phố Hồ Chí Minh - VNSTEEL       | HOSE | 10                | 12,000             |
| 129 | HMH   | Công ty Cổ phần Hải Minh                                      | HNX  | 10                | 15,500             |
| 130 | HPG   | Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát                             | HOSE | 50                | 28,000             |
| 131 | HRC   | Công ty Cổ phần Cao su Hòa Bình                               | HOSE | 20                | 20,016             |
| 132 | HSG   | Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen                              | HOSE | 40                | 20,000             |
| 133 | HT1   | Công ty Cổ phần Xi măng VICEM Hà Tiên                         | HOSE | 20                | 12,650             |
| 134 | HTG   | Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ                          | HOSE | 20                | 27,248             |
| 135 | HTI   | Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng IDICO               | HOSE | 20                | 18,400             |
| 136 | HTL   | Công ty Cổ phần Kỹ thuật và Ô tô Trường Long                  | HOSE | 10                | 15,306             |
| 137 | HTN   | Công ty Cổ phần Hưng Thịnh Incons                             | HOSE | 10                | 10,350             |
| 138 | HTV   | Công ty Cổ phần Logistics Vicem                               | HOSE | 10                | 9,000              |

| TT  | MÃ CP | TÊN CÔNG TY                                                | SÀN  | Tỷ lệ cho vay (%) | Giá chặn (Đồng/cp) |
|-----|-------|------------------------------------------------------------|------|-------------------|--------------------|
| 139 | HUB   | Công ty Cổ phần Xây lắp Thừa Thiên Huế                     | HOSE | 10                | 16,000             |
| 140 | HUT   | Công ty Cổ phần Tasco                                      | HNX  | 20                | 12,956             |
| 141 | HVT   | Công ty Cổ phần Hóa chất Việt Trì                          | HNX  | 20                | 36,300             |
| 142 | IDC   | Tổng Công ty IDICO - CTCP                                  | HNX  | 40                | 46,400             |
| 143 | IDI   | Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đa Quốc Gia I.D.I     | HOSE | 30                | 7,150              |
| 144 | IDV   | Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Vĩnh Phúc               | HNX  | 10                | 20,822             |
| 145 | IJC   | Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật                | HOSE | 50                | 15,000             |
| 146 | ILB   | Công ty Cổ phần ICD Tân Cảng - Long Bình                   | HOSE | 20                | 24,600             |
| 147 | IMP   | Công ty Cổ phần Dược phẩm IMEXPHARM                        | HOSE | 50                | 40,000             |
| 148 | INN   | Công ty Cổ phần Bao bì và In Nông nghiệp                   | HNX  | 20                | 41,609             |
| 149 | IPA   | Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư I.P.A                      | HNX  | 10                | 14,000             |
| 150 | ITC   | Công ty Cổ phần Đầu tư - Kinh doanh nhà                    | HOSE | 30                | 14,850             |
| 151 | IVS   | Công ty Cổ phần Chứng khoán Goutai Junan (Việt Nam)        | HNX  | 20                | 9,500              |
| 152 | KBC   | Tổng Công ty Phát triển Đô thị Kinh Bắc - Công ty Cổ phần  | HOSE | 30                | 32,000             |
| 153 | KDH   | Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh nhà Khang Điền        | HOSE | 40                | 29,700             |
| 154 | KHG   | Công ty Cổ phần Tập đoàn Khải Hoàn Land                    | HOSE | 20                | 6,600              |
| 155 | KSB   | Công ty Cổ phần Khoáng sản và Xây dựng Bình Dương          | HOSE | 50                | 20,000             |
| 156 | KSV   | Tổng Công ty Khoáng sản TKV - Công ty Cổ phần              | HNX  | 20                | 21,646             |
| 157 | KTS   | Công ty Cổ phần Đường Kon Tum                              | HNX  | 20                | 50,000             |
| 158 | L10   | Công ty Cổ phần Lilama 10                                  | HOSE | 10                | 22,200             |
| 159 | LAF   | Công ty Cổ phần Chế biến Hàng Xuất khẩu Long An            | HOSE | 10                | 16,545             |
| 160 | LAS   | Công ty Cổ phần Supe Phốt phát và Hóa chất Lâm Thao        | HNX  | 30                | 22,000             |
| 161 | LCG   | Công ty Cổ phần Lizen                                      | HOSE | 30                | 12,000             |
| 162 | LGC   | Công ty Cổ phần Đầu tư Cầu đường CII                       | HOSE | 10                | 30,364             |
| 163 | LHC   | Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi Lâm Đồng       | HNX  | 10                | 52,400             |
| 164 | LHG   | Công ty Cổ phần Long Hậu                                   | HOSE | 50                | 31,900             |
| 165 | LIX   | Công ty Cổ phần Bột giặt LIX                               | HOSE | 50                | 30,000             |
| 166 | LM8   | Công ty Cổ phần Lilama 18                                  | HOSE | 10                | 13,550             |
| 167 | LPB   | Ngân hàng Thương mại Cổ phần Lộc Phát Việt Nam             | HOSE | 50                | 35,250             |
| 168 | LSS   | Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn                          | HOSE | 30                | 9,560              |
| 169 | MBB   | Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội                      | HOSE | 50                | 31,000             |
| 170 | MBS   | Công ty Cổ phần Chứng khoán MB                             | HNX  | 50                | 32,000             |
| 171 | MCP   | Công ty Cổ phần In và Bao bì Mỹ Châu                       | HOSE | 10                | 15,509             |
| 172 | MDC   | Công ty Cổ phần Than Mông Dương - Vinacomin                | HNX  | 10                | 10,800             |
| 173 | MIG   | Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Quân đội                     | HOSE | 50                | 17,300             |
| 174 | MSB   | Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hàng Hải Việt Nam             | HOSE | 50                | 14,500             |
| 175 | MSH   | Công ty Cổ phần May Sông Hồng                              | HOSE | 50                | 38,450             |
| 176 | MSN   | Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan                             | HOSE | 50                | 80,000             |
| 177 | MVB   | Tổng Công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV - Công ty Cổ phần | HNX  | 40                | 17,900             |
| 178 | MWG   | Công ty Cổ phần Đầu tư Thế Giới Di Động                    | HOSE | 50                | 72,000             |
| 179 | NAB   | Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nam Á                         | HOSE | 40                | 17,000             |
| 180 | NAF   | Công ty Cổ phần Nafoods Group                              | HOSE | 10                | 18,669             |
| 181 | NAG   | Công ty Cổ phần Tập đoàn Nagakawa                          | HNX  | 10                | 13,300             |
| 182 | NAV   | Công ty Cổ phần Nam Việt                                   | HOSE | 10                | 13,200             |
| 183 | NBB   | Công ty Cổ phần Đầu tư Năm Bảy Bảy                         | HOSE | 10                | 18,151             |
| 184 | NBC   | Công ty Cổ phần Than Núi Béo - Vinacomin                   | HNX  | 20                | 9,800              |
| 185 | NBW   | Công ty Cổ phần Cấp nước Nhà Bè                            | HNX  | 10                | 17,865             |
| 186 | NCT   | Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hóa Nội Bài                   | HOSE | 30                | 80,000             |

| TT  | MÃ CP | TÊN CÔNG TY                                                | SÀN  | Tỷ lệ cho vay (%) | Giá chặn (Đồng/cp) |
|-----|-------|------------------------------------------------------------|------|-------------------|--------------------|
| 187 | NDN   | Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Nhà Đà Nẵng              | HNX  | 10                | 9,700              |
| 188 | NET   | Công ty Cổ phần Bột giặt Net                               | HNX  | 10                | 25,916             |
| 189 | NFC   | Công ty Cổ phần Phân lân Ninh Bình                         | HNX  | 10                | 16,273             |
| 190 | NHA   | Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị Nam Hà Nội    | HOSE | 20                | 12,673             |
| 191 | NHH   | Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội                                | HOSE | 20                | 10,300             |
| 192 | NKG   | Công ty Cổ phần Thép Nam Kim                               | HOSE | 20                | 13,650             |
| 193 | NLG   | Công ty cổ phần Đầu tư Nam Long                            | HOSE | 40                | 41,650             |
| 194 | NSC   | Công ty Cổ phần Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam          | HOSE | 40                | 84,500             |
| 195 | NST   | Công ty Cổ phần Ngân Sơn                                   | HNX  | 10                | 12,200             |
| 196 | NTH   | Công ty Cổ phần Thủy điện Nước Trong                       | HNX  | 10                | 17,221             |
| 197 | NTL   | Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Từ Liêm                  | HOSE | 20                | 14,464             |
| 198 | NTP   | Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong                 | HNX  | 50                | 70,000             |
| 199 | OCB   | Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông                   | HOSE | 50                | 13,000             |
| 200 | OPC   | Công ty Cổ phần Dược Phẩm OPC                              | HOSE | 10                | 13,929             |
| 201 | PAC   | Công ty Cổ phần Pin Ấc quy Miền Nam                        | HOSE | 50                | 21,454             |
| 202 | PAN   | Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN                               | HOSE | 50                | 33,700             |
| 203 | PC1   | Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1                               | HOSE | 30                | 28,000             |
| 204 | PCE   | Công ty Cổ phần Phân bón và hóa chất dầu khí Miền Trung    | HNX  | 10                | 20,152             |
| 205 | PCH   | Công ty Cổ phần Nhựa Picomat                               | HNX  | 10                | 10,918             |
| 206 | PCT   | Công ty Cổ phần Vận tải biển Global Pacific                | HNX  | 10                | 11,500             |
| 207 | PDN   | Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai                              | HOSE | 10                | 33,466             |
| 208 | PDR   | Công ty Cổ phần Phát triển Bất động sản Phát Đạt           | HOSE | 20                | 12,935             |
| 209 | PET   | Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí              | HOSE | 50                | 29,500             |
| 210 | PGC   | Tổng Công ty Gas Petrolimex - Công ty Cổ phần              | HOSE | 50                | 13,900             |
| 211 | PGD   | Công ty Cổ phần Phân phối khí thấp áp dầu khí Việt Nam     | HOSE | 20                | 14,904             |
| 212 | PGI   | Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Petrolimex                   | HOSE | 40                | 16,842             |
| 213 | PGS   | Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí Miền Nam                    | HNX  | 20                | 20,782             |
| 214 | PHR   | Công ty Cổ phần Cao su Phước Hòa                           | HOSE | 50                | 72,000             |
| 215 | PIC   | Công ty Cổ phần Đầu tư Điện lực 3                          | HNX  | 10                | 11,608             |
| 216 | PJC   | Công ty Cổ phần Thương mại và Vận tải Petrolimex Hà Nội    | HNX  | 10                | 22,036             |
| 217 | PJT   | Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu đường thủy Petrolimex     | HOSE | 10                | 10,600             |
| 218 | PLC   | Tổng Công ty Hóa dầu Petrolimex - Công ty Cổ phần          | HNX  | 40                | 26,900             |
| 219 | PLX   | Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam                                 | HOSE | 50                | 42,000             |
| 220 | PMB   | Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Bắc      | HNX  | 10                | 10,900             |
| 221 | PMC   | Công ty Cổ phần Dược phẩm Dược liệu Pharmedic              | HNX  | 10                | 27,242             |
| 222 | PMS   | Công ty Cổ phần Cơ khí Xăng dầu                            | HNX  | 10                | 25,344             |
| 223 | PNC   | Công ty Cổ phần Văn hóa Phương Nam                         | HOSE | 10                | 17,552             |
| 224 | PNJ   | Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận                  | HOSE | 50                | 89,000             |
| 225 | POW   | Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP              | HOSE | 50                | 15,000             |
| 226 | PPC   | Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại                         | HOSE | 40                | 11,300             |
| 227 | PPP   | Công ty Cổ phần Dược phẩm Phong Phú                        | HNX  | 10                | 16,030             |
| 228 | PPS   | Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam | HNX  | 10                | 11,600             |
| 229 | PPY   | Công ty Cổ phần Xăng dầu dầu khí Phú Yên                   | HNX  | 10                | 9,300              |
| 230 | PRE   | Tổng công ty cổ phần Tái bảo hiểm Hà Nội                   | HNX  | 10                | 15,914             |
| 231 | PSD   | Công ty Cổ phần Dịch vụ Phân phối Tổng hợp Dầu khí         | HNX  | 40                | 13,000             |
| 232 | PSE   | Công ty Cổ phần Phân bón và hóa chất dầu khí Đông Nam Bộ   | HNX  | 10                | 11,800             |

| TT  | MÃ CP | TÊN CÔNG TY                                                | SÀN  | Tỷ lệ cho vay (%) | Giá chặn (Đồng/cp) |
|-----|-------|------------------------------------------------------------|------|-------------------|--------------------|
| 233 | PSI   | Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí                        | HNX  | 20                | 6,800              |
| 234 | PSW   | Công ty Cổ phần Phân bón và hóa chất dầu khí Tây Nam Bộ    | HNX  | 10                | 8,100              |
| 235 | PTB   | Công ty Cổ phần Phú Tài                                    | HOSE | 40                | 54,800             |
| 236 | PTI   | Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bru điện                     | HNX  | 10                | 24,500             |
| 237 | PVB   | Công ty Cổ phần Bọc ống Dầu khí Việt Nam                   | HNX  | 20                | 17,861             |
| 238 | PVC   | Tổng Công ty Hóa chất và Dịch vụ Dầu khí - Công ty Cổ phần | HNX  | 40                | 12,200             |
| 239 | PVD   | Tổng Công ty Cổ phần Khoan và Dịch vụ khoan Dầu khí        | HOSE | 20                | 20,150             |
| 240 | PVG   | Công ty Cổ phần Kinh doanh LPG Việt Nam                    | HNX  | 20                | 6,700              |
| 241 | PVI   | Công ty Cổ phần PVI                                        | HNX  | 50                | 50,000             |
| 242 | PVP   | Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Thái Bình Dương            | HOSE | 20                | 15,950             |
| 243 | PVS   | Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam     | HNX  | 50                | 37,000             |
| 244 | PVT   | Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí                       | HOSE | 50                | 21,000             |
| 245 | QNP   | Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn                              | HOSE | 10                | 22,422             |
| 246 | REE   | Công ty Cổ phần Cơ điện Lạnh                               | HOSE | 50                | 80,000             |
| 247 | S4A   | Công ty Cổ phần Thủy điện Sê San 4A                        | HOSE | 10                | 13,565             |
| 248 | S55   | Công ty Cổ phần Sông Đà 505                                | HNX  | 10                | 56,100             |
| 249 | S99   | Công ty Cổ phần SCI                                        | HNX  | 10                | 7,400              |
| 250 | SAB   | Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải khát Sài Gòn   | HOSE | 50                | 55,000             |
| 251 | SAF   | Công ty Cổ phần Lương thực Thực phẩm SAFOCO                | HNX  | 10                | 15,880             |
| 252 | SAM   | Công ty Cổ phần SAM Holdings                               | HOSE | 20                | 6,540              |
| 253 | SBA   | Công ty Cổ phần Sông Ba                                    | HOSE | 40                | 16,178             |
| 254 | SBG   | CTCP Tập đoàn Cơ khí Công nghệ cao Siba                    | HOSE | 10                | 12,550             |
| 255 | SBT   | Công ty Cổ phần Thành Thành Công - Biên Hòa                | HOSE | 50                | 23,400             |
| 256 | SCR   | Công ty Cổ phần Địa Ốc Sài Gòn Thương Tín                  | HOSE | 20                | 7,430              |
| 257 | SCS   | Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hóa Sài Gòn                   | HOSE | 50                | 68,800             |
| 258 | SD5   | Công ty Cổ phần Sông Đà 5                                  | HNX  | 10                | 8,800              |
| 259 | SD9   | Công ty Cổ phần Sông Đà 9                                  | HNX  | 10                | 11,800             |
| 260 | SEB   | Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Miền Trung       | HNX  | 10                | 20,979             |
| 261 | SED   | Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam   | HNX  | 10                | 24,300             |
| 262 | SFG   | Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam                          | HOSE | 10                | 10,900             |
| 263 | SFI   | Công ty Cổ phần Đại lý Vận tải SAFI                        | HOSE | 10                | 29,100             |
| 264 | SGC   | Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Sa Giang                    | HNX  | 10                | 52,250             |
| 265 | SGN   | Công ty Cổ phần Phục vụ mặt đất Sài Gòn                    | HOSE | 40                | 38,012             |
| 266 | SGT   | Công ty Cổ phần Công nghệ Viễn thông Sài Gòn               | HOSE | 10                | 16,504             |
| 267 | SHB   | Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn – Hà Nội              | HOSE | 50                | 15,050             |
| 268 | SHE   | Công ty Cổ phần Phát triển Năng Lượng Sơn Hà               | HNX  | 10                | 9,500              |
| 269 | SHI   | Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà                             | HOSE | 20                | 13,133             |
| 270 | SHP   | Công ty Cổ phần Thủy điện Miền Nam                         | HOSE | 40                | 11,858             |
| 271 | SHS   | Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội               | HNX  | 30                | 20,000             |
| 272 | SIP   | Công ty Cổ phần Đầu tư Sài Gòn VRG                         | HOSE | 50                | 69,000             |
| 273 | SJD   | Công ty Cổ phần Thủy điện Cần Đơn                          | HOSE | 20                | 14,800             |
| 274 | SJE   | Công ty Cổ phần Sông Đà 11                                 | HNX  | 20                | 18,300             |
| 275 | SJS   | Công ty Cổ phần SJ GROUP                                   | HOSE | 20                | 26,854             |
| 276 | SKG   | Công ty Cổ phần Tàu Cao tốc Superdong - Kiên Giang         | HOSE | 20                | 10,300             |
| 277 | SLS   | Công ty Cổ phần Mía đường Sơn La                           | HNX  | 50                | 166,585            |
| 278 | SMB   | Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung                   | HOSE | 10                | 21,045             |

| TT  | MÃ CP | TÊN CÔNG TY                                                              | SÀN  | Tỷ lệ cho vay (%) | Giá chặn (Đồng/cp) |
|-----|-------|--------------------------------------------------------------------------|------|-------------------|--------------------|
| 279 | SRC   | Công ty Cổ phần Cao su Sao Vàng                                          | HOSE | 10                | 20,587             |
| 280 | SSB   | Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đông Nam Á                                  | HOSE | 50                | 20,000             |
| 281 | SSC   | Công ty Cổ phần Giống cây trồng Miền Nam                                 | HOSE | 10                | 28,860             |
| 282 | SSI   | Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI                                          | HOSE | 50                | 34,000             |
| 283 | ST8   | Công ty Cổ phần Tập đoàn ST8                                             | HOSE | 10                | 6,550              |
| 284 | STB   | Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín                          | HOSE | 50                | 52,000             |
| 285 | STC   | Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị trường học Thành phố Hồ Chí Minh        | HNX  | 10                | 17,000             |
| 286 | STG   | Công ty Cổ phần Kho Vận Miền Nam                                         | HOSE | 40                | 25,005             |
| 287 | SVC   | Công ty Cổ phần Dịch vụ tổng hợp Sài Gòn                                 | HOSE | 10                | 21,000             |
| 288 | SVT   | Công ty Cổ phần Công nghệ Sài Gòn Viễn Đông                              | HOSE | 10                | 12,700             |
| 289 | SZB   | Công ty Cổ phần Sonadezi Long Bình                                       | HNX  | 10                | 23,717             |
| 290 | SZC   | Công ty Cổ phần Sonadezi Châu Đức                                        | HOSE | 50                | 42,000             |
| 291 | SZL   | Công ty Cổ phần Sonadezi Long Thành                                      | HOSE | 10                | 23,097             |
| 292 | TA9   | Công ty Cổ phần Xây lắp Thành An 96                                      | HNX  | 10                | 13,368             |
| 293 | TBC   | Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà                                        | HOSE | 10                | 20,904             |
| 294 | TCB   | Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam                          | HOSE | 50                | 37,000             |
| 295 | TCH   | Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy                       | HOSE | 30                | 20,900             |
| 296 | TCI   | Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành Công                                   | HOSE | 10                | 8,170              |
| 297 | TCL   | Công ty Cổ phần Đại lý Giao nhận Vận tải Xếp dỡ Tân Cảng                 | HOSE | 50                | 30,000             |
| 298 | TCM   | Công ty Cổ phần Dệt may - Đầu tư - Thương mại Thành Công                 | HOSE | 40                | 34,000             |
| 299 | TCT   | Công ty Cổ phần Cáp treo Núi Bà Tây Ninh                                 | HOSE | 10                | 17,000             |
| 300 | TDM   | Công ty Cổ phần Nước Thủ Dầu Một                                         | HOSE | 40                | 50,000             |
| 301 | TDP   | Công ty Cổ phần Thuận Đức                                                | HOSE | 10                | 11,716             |
| 302 | TDW   | Công ty Cổ phần Cấp nước Thủ Đức                                         | HOSE | 10                | 29,867             |
| 303 | TFC   | Công ty Cổ phần Trang                                                    | HNX  | 10                | 25,357             |
| 304 | THD   | Công ty Cổ phần Thaiholdings                                             | HNX  | 10                | 11,272             |
| 305 | THG   | Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang                            | HOSE | 10                | 28,416             |
| 306 | TIP   | Công ty Cổ phần Phát triển Khu công nghiệp Tín Nghĩa                     | HOSE | 40                | 21,000             |
| 307 | TIX   | Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Xuất nhập khẩu Dịch vụ và Thương mại | HOSE | 10                | 27,672             |
| 308 | TLD   | Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Đô thị Thăng Long          | HOSE | 10                | 6,820              |
| 309 | TLG   | Công ty Cổ phần Tập đoàn Thiên Long                                      | HOSE | 50                | 55,700             |
| 310 | TMC   | Công ty Cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu Thủ Đức                        | HNX  | 10                | 7,600              |
| 311 | TMP   | Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ                                        | HOSE | 40                | 22,743             |
| 312 | TMS   | Công ty Cổ phần Transimex                                                | HOSE | 10                | 31,854             |
| 313 | TN1   | Công ty Cổ phần Rox Key Holdings                                         | HOSE | 10                | 11,000             |
| 314 | TNC   | Công ty Cổ phần Cao su Thống Nhất                                        | HOSE | 10                | 18,039             |
| 315 | TNG   | Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG                                 | HNX  | 50                | 23,000             |
| 316 | TOT   | CTCP TRANSIMEX LOGISTICS                                                 | HNX  | 10                | 15,551             |
| 317 | TPB   | Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong                                  | HOSE | 50                | 16,000             |
| 318 | TRA   | Công ty Cổ phần Traphaco                                                 | HOSE | 40                | 36,020             |
| 319 | TRC   | Công ty Cổ phần Cao su Tây Ninh                                          | HOSE | 40                | 66,300             |
| 320 | TTA   | Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Trường Thành               | HOSE | 20                | 10,400             |
| 321 | TTC   | Công ty Cổ phần Gạch men Thanh Thanh                                     | HNX  | 10                | 6,400              |
| 322 | TTT   | Công ty Cổ phần Du Lịch - Thương Mại Tây Ninh                            | HNX  | 10                | 30,200             |
| 323 | TV2   | Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2                                   | HOSE | 30                | 40,000             |
| 324 | TVD   | Công ty Cổ phần Than Vàng Danh - Vinacomin                               | HNX  | 30                | 10,700             |

| TT  | MÃ CP | TÊN CÔNG TY                                              | SÀN  | Tỷ lệ cho vay (%) | Giá chặn (Đồng/cp) |
|-----|-------|----------------------------------------------------------|------|-------------------|--------------------|
| 325 | TVS   | Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt                   | HOSE | 20                | 14,238             |
| 326 | TVT   | Tổng Công ty Việt Thắng - CTCP                           | HOSE | 10                | 15,400             |
| 327 | TYA   | Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya Việt Nam            | HOSE | 10                | 14,450             |
| 328 | UIC   | Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị IDICO    | HOSE | 10                | 39,300             |
| 329 | VBC   | Công ty Cổ phần Nhựa, Bao bì Vinh                        | HNX  | 10                | 20,300             |
| 330 | VC1   | Công ty Cổ phần Xây dựng số 1                            | HNX  | 10                | 10,000             |
| 331 | VC3   | Công ty Cổ phần Tập đoàn Nam Mê Kông                     | HNX  | 10                | 11,285             |
| 332 | VC6   | Công ty cổ phần Xây dựng và Đầu tư Visicons              | HNX  | 10                | 17,838             |
| 333 | VCB   | Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam       | HOSE | 50                | 66,000             |
| 334 | VCF   | Công ty Cổ phần Vinacafe Biên Hòa                        | HOSE | 50                | 76,106             |
| 335 | VCG   | Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam | HOSE | 50                | 26,000             |
| 336 | VCI   | Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap                      | HOSE | 50                | 43,050             |
| 337 | VCS   | Công ty Cổ phần VICOSTONE                                | HNX  | 50                | 55,000             |
| 338 | VDP   | Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương VIDIPHA             | HOSE | 10                | 34,246             |
| 339 | VDS   | Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt                    | HOSE | 10                | 11,819             |
| 340 | VFG   | Công ty Cổ phần Khử trùng Việt Nam                       | HOSE | 50                | 50,000             |
| 341 | VFS   | Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhất Việt                    | HNX  | 20                | 13,463             |
| 342 | VGC   | Tổng Công ty Viglacera - Công ty Cổ phần                 | HOSE | 50                | 52,400             |
| 343 | VGS   | Công ty Cổ phần Ống thép Việt Đức VG PIPE                | HNX  | 30                | 20,123             |
| 344 | VHC   | Công ty Cổ phần Vinh Hoàn                                | HOSE | 50                | 62,000             |
| 345 | VHM   | Công ty Cổ phần Vinhomes                                 | HOSE | 50                | 65,000             |
| 346 | VIB   | Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc tế Việt Nam            | HOSE | 50                | 18,400             |
| 347 | VIC   | Tập đoàn Vingroup - Công ty Cổ phần                      | HOSE | 50                | 70,468             |
| 348 | VIF   | Tổng Công ty Lâm nghiệp Việt Nam - Công ty Cổ phần       | HNX  | 10                | 14,290             |
| 349 | VIP   | Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu VIPCO                   | HOSE | 30                | 12,550             |
| 350 | VIX   | Công ty Cổ phần Chứng khoán VIX                          | HOSE | 30                | 18,000             |
| 351 | VJC   | Công ty Cổ phần Hàng không Vietjet                       | HOSE | 50                | 110,000            |
| 352 | VNC   | Công ty Cổ phần Tập đoàn Vinacontrol                     | HNX  | 50                | 30,000             |
| 353 | VND   | Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT                     | HOSE | 40                | 21,150             |
| 354 | VNF   | Công ty Cổ phần Vinafreight                              | HNX  | 10                | 13,800             |
| 355 | VNL   | Công ty Cổ phần Logistics Vinalink                       | HOSE | 10                | 20,800             |
| 356 | VNM   | Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam                             | HOSE | 50                | 69,000             |
| 357 | VNR   | Tổng Công ty Cổ phần Tái bảo hiểm Quốc gia Việt Nam      | HNX  | 50                | 22,500             |
| 358 | VNS   | Công ty Cổ phần Ánh Dương Việt Nam                       | HOSE | 10                | 9,500              |
| 359 | VPB   | Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng        | HOSE | 50                | 24,050             |
| 360 | VPD   | Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam             | HOSE | 10                | 13,266             |
| 361 | VPI   | Công ty Cổ phần Phát triển Bất động sản Văn Phú          | HOSE | 40                | 53,000             |
| 362 | VPS   | Công ty Cổ phần Thuốc sát trùng Việt Nam                 | HOSE | 10                | 8,900              |
| 363 | VRE   | Công ty Cổ phần Vincom Retail                            | HOSE | 50                | 23,928             |
| 364 | VSA   | Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam                 | HNX  | 10                | 22,900             |
| 365 | VSC   | Công ty Cổ phần Container Việt Nam                       | HOSE | 50                | 22,950             |
| 366 | VSI   | Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Cấp thoát nước        | HOSE | 10                | 15,227             |
| 367 | VTP   | Tổng Công ty Cổ phần Bưu chính Viettel                   | HOSE | 40                | 121,000            |
| 368 | VTZ   | Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Nhựa Việt Thành   | HNX  | 10                | 14,917             |
| 369 | WCS   | Công ty Cổ phần Bến xe Miền Tây                          | HNX  | 10                | 114,629            |
| 370 | YEG   | Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1                           | HOSE | 20                | 12,250             |